



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
BỘ MÔN NGÂN HÀNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Thông tin tổng quát:**

Tên học phần tiếng Việt	TÀI CHÍNH CÁ NHÂN
Tên học phần tiếng Anh	PERSONAL FINANCE
Mã học phần	
Thuộc khối kiến thức	<u>Kiến thức đại cương</u> / Kiến thức cơ sở ngành/ Kiến thức ngành/ Kiến thức chuyên ngành ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Trình độ	Đại học
Ngành học	Khối ngành kinh tế, kinh doanh-quản lý, luật
Khóa học	
Năm học	
Học kỳ	
Số tín chỉ	2 tín chỉ Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 45 tiết Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (30 tiết/tín chỉ): Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): 135 giờ tự học
Môn học tiên quyết	Nguyên lý Thị trường tài chính (Lý thuyết tài chính tiền tệ)
Môn học trước	
Môn học sau	
Môn học song hành	
Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy	Tiếng Việt, Tiếng Anh
Các giảng viên phụ trách giảng dạy	Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Thị Ánh Như, Nguyễn Thị Diễm Hiền, Phạm Chí Khoa
Các giảng viên trợ giảng	

2. **Mô tả môn học**

(Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)

Môn học Tài chính cá nhân nằm trong khối kiến thức đại cương, là học phần tự chọn dành cho tất cả sinh viên từ năm 1 thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh – quản lý và luật. Môn học nhằm mục đích giúp sinh viên nắm bắt kiến thức tài chính và hình thành kỹ năng quản lý tài chính cá nhân hiệu quả. Môn học bao gồm các nội dung trọng tâm của tài chính cá

nhân: chi tiêu và thu nhập, bảo vệ tài chính, đầu tư, sự nghiệp, vay mượn và giao tiếp về tài chính. Môn học sẽ sử dụng kết hợp các phương pháp học tập dựa trên nhiệm vụ và học tập dựa trên vấn đề, trong đó sẽ làm việc theo nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ và vấn đề có ý nghĩa và thực tế liên quan đến sức khỏe tài chính cá nhân.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1]. E. Thomas Garman & Raymond E. Forgue, (2018), **Personal Finance**, 14th edition, Cengage Learning.

Tài liệu khác:

[1]. Grable, John E. and Chatterjee, Swarn. De Gruyter, (2022) **Handbook of Personal Finance**, Berlin, Boston: De Gruyter.

[2]. Tyson, E, (2018), **Personal finance for dummies**. John Wiley & Sons.

[3]. Garrett, S. (2012). **Personal finance workbook for dummies**. John Wiley & Sons.

[4]. Arthur J. Keown, (2012), **Personal Finance: Turning Money into Wealth**, 6th edition, Prentice Hall.

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (COx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của MH (CLOx) (3)	TĐNL (4)
-----------------------	-----------------------	--------------------------------	-------------

CO1 Cung cấp cho sinh viên các nguyên lý về hoạch định tài chính cá nhân	- Cung cấp các khái niệm và nguyên tắc, nguyên lý tài chính cá nhân cốt lõi và những yếu tố ảnh hưởng đến thói quen tài chính - Giới thiệu các thành phần của một kế hoạch tài chính vững chắc, báo cáo tài chính cá nhân và các phương pháp lập kế hoạch ngân sách cá nhân - Cung cấp kiến thức về các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản - Giải thích giá trị của tiền theo thời gian, “sức mạnh của lãi kép”	CLO1 CLO2, CLO3	
CO2 Giúp sinh viên làm quen với các công cụ tài chính và phương pháp quản lý tài chính cho cá nhân	- Giúp NH rèn luyện kỹ năng đặt mục tiêu tài chính theo nguyên tắc S.M.A.R.T - Giúp NH đánh giá và lựa chọn phương pháp lập kế hoạch ngân sách cũng như chiến lược tài chính phù hợp để đạt được các mục tiêu tài chính. - Tính toán cơ bản giá trị tương lai của một khoản tiền, chuỗi tiền trên excel. - Lập báo cáo tài chính cá nhân và phân tích các vấn đề tài chính của cá nhân	CLO4 CLO5	
CO3 Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, phân tích và giải quyết vấn đề	- Giúp NH hình thành kỹ năng trình bày rành mạch, giao tiếp hiệu quả với gia đình và bạn học, tự tin trao đổi với chuyên gia về các vấn đề tài chính. - Giúp NH nhận diện được phong cách tài chính của bản thân với thái độ, thói quen tư duy và hành vi tài chính để đưa ra các quyết định tài chính đúng.	CLO6	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.

(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học.

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)

Sau khi hoàn thành môn học, NH có thể:

CĐR (1)	Mô tả CĐR (2)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs – PI x.x)	Thang Bloom /Mức độ giảng dạy (I, T, U hoặc I, R, M) (3)
CLO 1	Trình bày các khái niệm và nguyên tắc, nguyên lý tài chính cá nhân cốt lõi và nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến thói quen tài chính (tính cách về tiền) của bản thân.	PLO1 - PI 1.4	I2
CLO2	Diễn giải các thành phần của một kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính cá nhân và các phương pháp lập kế hoạch ngân sách cá nhân	PLO3 – PI 3.2	R2
CLO 3	So sánh các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản phục vụ kế hoạch tài chính cá nhân từ đó đưa ra lựa chọn phù hợp	PLO3 – PI 3.2	I2
CLO 4	Xây dựng và rèn luyện kỹ năng đặt mục tiêu tài chính theo nguyên tắc S.M.A.R.T	PLO5 – PI 5.1	R3
CLO 5	Đánh giá và lựa chọn phương pháp lập kế hoạch ngân sách, công cụ, chiến lược tài chính phù hợp để đạt được các mục tiêu tài chính (bao gồm ứng dụng giá trị thời gian của tiền, báo cáo tài chính cá nhân và các công cụ khác)	PLO3 – PI 3.2	I2
CLO 6	Trình bày rành mạch, giao tiếp hiệu quả với gia đình và bạn học, giáo viên, chuyên gia (đặc biệt về các vấn đề tài chính) đồng thời nhận diện được phong cách tài chính của bản thân	PLO4 – PI 4.1, 4.2	I3

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): Thang Bloom (Cognitive domain; Affective domain; Psychomotor domain 6 mức độ)

I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo. Ví dụ R3 – Mức độ tăng cường, ứng với thang đo bloom mức độ 3

6. Đánh giá môn học

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CDR môn học (CLOx) (3)	Tiêu chí đánh giá (4)	Thời lượng đánh giá (5)	Trọng số (6)	Trọng số con (7)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Nhiệm vụ cá nhân (bài tập trước buổi học, tham gia trò chơi, trắc nghiệm, ...)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Điểm tham gia, điểm trắc nghiệm		30%	10%
	A1.2 Bài tập nhóm (poster, bài tập tình huống)	CLO5, CLO6	Rubric số 1 cho bài tập nhóm			10%
	A1.3 Thuyết trình	CLO5, CLO6	Rubric 2 cho thuyết trình			10%
A2. Đánh giá giữa kì	A2.1 Tạo kế hoạch tài chính cá nhân (đồ án) / Thi Tự luận	CLO1-5	Rubric/ Điểm trả lời câu hỏi	60ph	20%	20%

A3. Đánh giá cuối kì	A3.1 Trắc nghiệm (70%) kết hợp tự luận (30%)	CLO1-5	Trắc nghiệm, điểm trả lời câu hỏi tình huống ngắn	60ph	50%	50%
----------------------	---	--------	---	------	-----	-----

(1): Các thành phần đánh giá của môn học.

(2): Ký hiệu các bài đánh giá

(3): Các CDR được đánh giá.

(4): Tiêu chí đánh giá (sử dụng rubric) bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học.....

(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)

(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

Xếp loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 100	Thang điểm hệ 4	
			Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Từ 90 đến 100	4,0	A+
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 80 đến cận 90	3,5	A
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 70 đến cận 80	3,0	B+
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	Từ 60 đến cận 70	2,5	B
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 50 đến cận 60	2,0	C
Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	Từ 40 đến cận 50	1,5	D+
Kém	Từ 3,0 đến cận 4,0	Từ 30 đến cận 40	1,0	D
	< 3,0	Dưới 30	0,0	F

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)

Lý thuyết

Tuần/ Buổi (1)	Nội dung (2)	CDR môn học	Hoạt động dạy và học (4)	Hoạt động đánh giá
----------------------	-----------------	-------------------	-----------------------------	--------------------------

		(3)		(5)
1 (3 tiết/ buổi)	Giới thiệu môn học Giới thiệu cấu trúc và sử dụng LMS của học phần TCCN Chương 1: Tổng quan về tài chính cá nhân 1.1 Khái niệm tài chính cá nhân 1.2 Các phong cách tài chính và các tính cách về tiền	CLO1	Giảng viên - Thuyết giảng tương tác - Đưa ra các tình huống nhỏ, ví dụ, thí nghiệm về tài chính hành vi ảnh hưởng đến quyết định TCCN. - Hướng dẫn làm bài trắc nghiệm tính cách tài chính và thảo luận - Assignment (dự kiến): Các tập đoàn bán lẻ (Amazon, Wal mart, Apple, Starbuck, Tiki, Shopee...) khiến người tiêu dùng chi tiêu quá mức như thế nào? Sinh viên - Học ở lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV - Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1
2	Chương 1 (tt): 1.3 Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý TCCN 1.4 Kế hoạch tài chính cá nhân 1.5 Kỹ năng đặt mục tiêu S.M.A.R.T trong tài chính 1.6 Kỷ luật tài chính đối với sinh viên	CLO1, CLO4	Giảng viên - Thuyết giảng tương tác - Hướng dẫn làm bài trắc nghiệm tính cách tài chính và thảo luận - Assignment (dự kiến): (i) Minh họa nguyên tắc cơ bản của TCCN/ Case study về các nguyên tắc cơ bản của TCCN ; (ii) Tạo poster về	A1.1, A1.2, A2.1

			phong cách tài chính (bài nhóm); (iii) Tạo 1 vision board/ về mục tiêu S.M.A.R.T (cá nhân) Sinh viên - Học ở lớp: Trả lời câu hỏi, làm trắc nghiệm, thảo luận - Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	
3	Chương 2: Tài chính và sự nghiệp 2.1 Quan hệ giữa tài chính và phát triển sự nghiệp 2.2 Chuẩn bị sự nghiệp và tiềm năng thu nhập 2.3 Các loại thu nhập và kế hoạch thu nhập 2.4 Các loại phúc lợi khi đi làm	CLO1	Giảng viên - Thuyết giảng tương tác - Đưa ra các tình huống nhỏ để thảo luận. - Assignment (dự kiến): Tạo danh mục những gì cần chuẩn bị cho công việc mong muốn. Sinh viên - Học ở lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm - Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	A1.1
4-5	Chương 3: Báo cáo tài chính cá nhân và Kế hoạch ngân sách 3.1 Giới thiệu về báo cáo tài chính cá nhân	CLO2, CLO5	Giảng viên - Thuyết giảng tương tác - Đưa ra các tình huống nhỏ để thảo luận. - Assignment (dự kiến):	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1

	3.2 Một số tỷ số tài chính cá nhân 3.3 Kế hoạch ngân sách cá nhân 3.4 Kế hoạch chi tiêu cá nhân và quản lý chi tiêu hiệu quả 3.5 Kế hoạch tiết kiệm cá nhân 3.6 Kế hoạch đầu tư cá nhân		(i) Tạo kế hoạch chi tiêu cá nhân dựa trên tình huống cho sẵn; (ii) Lập báo cáo tài chính cá nhân hiện tại và dự kiến khi bắt đầu đi làm; (iii) Tạo poster về phương pháp ngân sách mà nhóm phụ trách; (iv) Review phim Sinh viên - Học ở lớp: Nghe giảng, tham gia hoạt động, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm - Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	
6	Chương 4: Sản phẩm tài chính và dịch vụ ngân hàng 4.1. Các sản phẩm tài chính phổ biến 4.2 Lựa chọn dịch vụ ngân hàng 4.3 Các sản phẩm đầu tư 4.4 Các rủi ro khi sử dụng sản phẩm tài chính	CLO3, CLO5	Giảng viên - Thuyết giảng tương tác - Đưa ra các tình huống nhỏ để thảo luận. - Assignment dự kiến: (i) Mỗi nhóm lập một bản giới thiệu về các sản phẩm và dịch vụ của 1 ngân hàng được chọn (dưới góc độ khách hàng cá nhân); (ii) Tạo một poster về các giai đoạn cuộc đời và sản phẩm đầu tư tương ứng với từng giai đoạn Sinh viên - Học ở lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1

			- Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	
7	Thi giữa kỳ	CLO1-5	Thi tự luận/ Đồ án	
8	Chương 5: Kế hoạch bảo vệ tài chính cá nhân 5.1 Tầm quan trọng của bảo vệ tài chính cá nhân 5.2 Các chiến lược phòng ngừa rủi ro 5.3 Xác định nhu cầu và lập kế hoạch bảo vệ tài chính 5.4 Quản lý rủi ro tài chính và ứng dụng các sản phẩm quản lý rủi ro tài chính vào kế hoạch bảo vệ	CLO3, CLO5	Giảng viên - Thuyết giảng tương tác - Đưa ra các tình huống nhỏ để thảo luận. - Assignment dự kiến: (i) Giải quyết tình huống bảo vệ tài chính; (ii) Tạo poster về các sản phẩm bảo hiểm của công ty nhóm phụ trách Sinh viên - Học ở lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm - Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	A1.1, A1.2, A1.3 A3.1
9	Chương 6: Kế hoạch vay và trả nợ 6.1 Khái niệm và tầm quan trọng của vay và trả nợ trong quản lý TCCN 6.2 Xây dựng kế hoạch vay và trả nợ 6.3 Quản lý nợ	CLO3, CLO5	Giảng viên - Thuyết giảng tương tác - Đưa ra các tình huống nhỏ để thảo luận. - Assignment dự kiến: (i) Tư vấn kế hoạch trả nợ dựa trên một tình huống GV cung cấp Sinh viên - Học ở lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm	A1.1, A1.2, A3.1

			- Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	
10	Thực hành phân tích và tư vấn tài chính cá nhân	CLO5	Giảng viên - Đưa ra các tình huống để thảo luận. - Tổ chức phiên chơi MoneyWe - Assignment dự kiến: (i) Tạo hình mẫu tài chính cho bản thân Sinh viên - Học ở lớp: Thuyết trình, tham gia hoạt động, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm - Học ở nhà: Làm bài tập trước buổi học, đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo - Tài liệu học tập:	A1.1, A1.2, A1.3 A3.1

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu CLOx)

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
------------------------------	-------------------------	----------------------------	-------------------------------------	-----------------------------

...	Bài thực hành 1: ...	CLOx ...	Day: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ...	Ax.x ...
...				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt

kê nội dung thực hành theo bài thực hành.

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu CLOx),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Tổng thời lượng học tập

Hình thức	Hoạt động dạy và học	Số lần	Thời lượng (giờ)	Tổng thời lượng (giờ)
Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi)	Thuyết giảng tương tác, thảo luận, tham gia hoạt động, làm kiểm tra	10	2.5h	25h
Tự học ngoài giờ	Làm bài tập, nhiệm vụ trước và sau buổi học, đọc tài liệu	10	7.5h	75h
Bài tập tình huống Axx				
Bài luận Axx				
Bài thuyết trình Axx				
Dự án nhóm Axx				
.....				
Thi giữa kỳ		1	1h	
Thi cuối kỳ		1	1h	1h
Tổng thời lượng				101h
Tổng thời lượng/ giờ				
Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS				

Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.

9. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

Sinh viên nộp trễ hạn bài tập trên LMS sẽ bị trừ 50% số điểm của bài tập đó.

Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0.

Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

10. Phụ trách môn học

- Khoa: Tài Chính Ngân Hàng
- Bộ môn: Tài Chính
- Địa chỉ và email liên hệ: anhnh@uel.edu.vn

11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: / 2024

12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày:

TP. Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm 2024

GIẢNG VIÊN LẬP ĐỀ CƯƠNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Hoàng Anh



Nguyễn Anh Phong

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ RUBRIC GIẢNG VIÊN TỰ THIẾT KẾ CHO CÁC BÀI ĐÁNH GIÁ

Rubric đánh giá kỹ năng thuyết trình

Mô tả tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm	Nhận xét của giảng viên
Nội dung (45%)			
Bài thuyết trình có mục đích, chủ đề và bố cục rõ ràng (giới thiệu, các nội dung chính, kết luận vấn đề).	10		
Biết chọn lọc nội dung làm điểm nhấn trong bài thuyết trình, tránh lan man. Đồng thời, vẫn bảo đảm đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề cần trình bày.	5		
Đưa ra những ví dụ thích hợp, dữ kiện và hoặc số liệu thống kê; hỗ trợ cho kết luận ý tưởng bằng dẫn chứng cụ thể.	10		
Thông tin đưa ra chính xác, khoa học và cập nhật.	5		
Trình bày thông tin theo trình tự hợp lý, an ninh thú vị thuận tiện cho việc theo dõi bài thuyết trình.	5		
Bài trình bày không có lỗi chính tả hoặc lỗi ngữ pháp và quá nhiều chữ trong slide thuyết trình.	5		
Câu trả lời trôi chảy, logic và rõ ràng, thể hiện rõ được sự hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	5		
Hình thức (20%)			
Có sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ bài trình chiếu (powerpoint/prezi, infographic, hình ảnh, sơ đồ bảng biểu, bản đồ...).	5		
Các công cụ hỗ trợ có hình thức tốt (hình ảnh sắc nét, kích thước không quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn, phóng nền làm nổi bật chữ viết...).	5		
Sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp nội dung thuyết trình (hình ảnh phù hợp nội dung, các sơ đồ bảng biểu thiết kế hợp lý...)	5		
Có sự sáng tạo, ấn tượng trong việc sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ.	5		
Phong cách (20%)			
Phong thái tự tin, chuyên nghiệp, nhiệt huyết trình bày chủ đề.	5		
Sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hình thể, tốc độ nói và âm lượng phù hợp. Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, ề à hoặc có những từ ngữ thừa (à, ờ, thì, mà, là...)	5		

Thu hút sự chú ý của người nghe, luôn tương tác với người nghe (giao lưu bằng ánh mắt).	5		
Thuyết phục người nghe nhận ra tính hợp lý và tầm quan trọng của chủ đề trình bày.	5		
Thời gian (5%)			
Thời gian thuyết trình vừa đủ, không vi phạm thời gian tối thiểu hoặc tối đa cho phép.	5		
Hợp tác nhóm (10%)			
Có sự phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm.	5		
Có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	5		

Tổng cộng: .../100 điểm

Rubric đánh giá bài tập nhóm (poster, bài báo cáo ngắn)

Mô tả tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm	Nhận xét của giảng viên
Nội dung (70%)			
Bài báo cáo/ poster có chủ đề và bố cục rõ ràng	10		
Có ví dụ, dữ kiện, số liệu bổ sung cho lập luận	20		
Thông tin đưa ra chính xác, khoa học và cập nhật.	10		
Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp	10		
Thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu	20		
Hình thức (20%)			
Có sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ (powerpoint/prezi, infographic, hình ảnh, mindmap..).	10		
Có tính thẩm mỹ, dễ theo dõi, dễ đọc	5		
Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung	5		
Tính sáng tạo (10%)			
Có sự sáng tạo, ấn tượng trong việc sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ.	10		
Tổng	100		

PHỤ LỤC 2

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (THAM KHẢO)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
Khoa/Bộ môn ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Đánh giá mức độ người học đạt CĐR học phần

Học kỳ: Năm học:

I. Thông tin chung

Tên học phần: Mã học phần:

Số tín chỉ:

Giảng viên phụ trách:

Chương trình đào tạo (CTĐT):

II. Kế hoạch đánh giá

Bảng 1. Kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt CĐR học phần (CLO)

Kí hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đánh giá mức độ CLO	Có sử dụng để đánh giá mức độ PLO	PP/công cụ đánh giá	Thu thập dữ liệu		Phân tích dữ liệu và viết báo cáo	Mục tiêu	
					Dữ liệu được lấy từ	Đơn vị/cá nhân phụ trách		Tiêu chí đạt	Mục tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1									
CLO 2									
...									
...									

Chú thích các cột:

(1) Liệt kê tất cả các CLO

(2) Nội dung của CLO tương ứng

(3) Đánh dấu X vào CLO cần đo lường đánh giá mức độ đạt. Ưu tiên đánh giá mức độ người học đạt được các CLO cốt lõi, quan trọng nhất của học phần, đặc biệt là các CLO có mức độ đóng góp và hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) ở mức R hoặc mức M. Khuyến khích giảng viên đánh giá mức độ đạt tất cả các chuẩn đầu ra của học phần (nếu có thể).

(4) Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu học phần có sử dụng CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt PLO. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO.

(5) Phương pháp kiểm tra đánh giá bao gồm phương pháp đánh giá trực tiếp, đánh giá gián tiếp, đánh giá tổng kết, đánh giá quá trình. Công cụ đánh giá trực tiếp bao gồm: bài thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,

thuyết trình, dự án capstone, chứng chỉ chuyên môn, bài tiểu luận,... Công cụ đánh giá gián tiếp bao gồm: phỏng vấn, khảo sát, đánh giá dữ liệu thống kê...

(6) Dữ liệu có thể được lấy từ bài thi cuối kỳ, và/hoặc bài thi giữa kỳ, hoặc đánh giá quá trình (bài tập lớn, dự án, làm việc nhóm, thí nghiệm thực hành...). Trong trường hợp CLO được đánh giá thông qua một phần hoặc một số câu của bài thi - kiểm tra thì cần chú thích rõ, Ví dụ: để đánh giá mức độ đạt CLO1, cần lấy dữ liệu từ câu 1-10 (phần thi trắc nghiệm) của bài thi cuối kỳ. **Lưu ý:** điểm số của cả bài thi hay một phần bài thi cần được quy đổi về thang điểm 4 mức A, B, C, D để thuận tiện cho việc đánh giá và đối sánh mức độ đạt CLO.

(7) Nêu tên đơn vị/cá nhân có trách nhiệm cung cấp dữ liệu (ví dụ như Phòng/Tổ Khảo thí và ĐBCLGD) hoặc thống kê và nhập dữ liệu (ví dụ như tên giảng viên phụ trách học phần) phục vụ cho việc đánh giá mức độ người học đạt CLO.

(8) Nêu tên đơn vị/cá nhân phụ trách rà soát, tổng hợp, phân tích dữ liệu và viết báo cáo đánh giá học phần.

(9) Tiêu chí đạt giúp xác định xem người học có đạt được CLO hay không, trong đó, cần chỉ rõ mức kết quả học tập mà người học cần đạt để được coi là đáp ứng CLO. Ví dụ: tiêu chí đạt là điểm C trở lên (bao gồm điểm A, B và C) trong thang điểm 4 mức.

(10) Mức mục tiêu: xác định tỷ lệ người học sẽ đạt được CLO với tiêu chí đạt đã được xác định ở cột (9). Ví dụ 75% người học sẽ đạt được CLO1. Đây được xem là kỳ vọng của giảng viên đối với người học trong việc đạt được CLO.

III. Kết quả đánh giá

1. Thống kê tỷ lệ người học đạt được CLO

Bảng 2. Thống kê tỷ lệ người học đạt được CLO

CLO	Tổng số NH	Phân loại								Tỷ lệ NH đạt	
		NH đạt điểm A		NH đạt điểm B		NH đạt điểm C		NH đạt điểm D		Đạt	Không đạt
		Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1											
CLO2											
...											

Chú thích các cột:

- (1) Chi liệt kê các CLO cần đánh giá dựa vào kế hoạch đánh giá được xây dựng ở Bảng 1.
- (2) Tổng số người học tham gia học học phần.
- (3) và (4) Điền lần lượt số người học đạt được điểm A (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm A so với tổng số người học ở cột (2).
- (5) và (6) Điền lần lượt số người học đạt được điểm B (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm B so với tổng số người học ở cột (2).
- (7) và (8) Điền lần lượt số người học đạt được điểm C (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm C so với tổng số người học ở cột (2).
- (9) và (10) Điền lần lượt số người học đạt được điểm D (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm D so với tổng số người học ở cột (2).

2. Nhận xét, đánh giá chung

Bảng 3. Nhận xét đánh giá chung về học phần

STT	Vấn đề tồn tại của học phần	Nguyên nhân có thể	Giải pháp cải tiến
1			
2			
...			

Lưu ý: Trên cơ sở phân tích kết quả thống kê ở Bảng 2 và đối sánh với dữ liệu tỷ lệ đạt ở thời điểm đánh giá trước (nếu có), đơn vị/cá nhân phụ trách viết báo cáo đánh giá học phần đưa ra nhận xét đánh giá chung về những tồn tại của học phần cũng như giải pháp cải tiến (nếu cần) nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được mục tiêu đào tạo và CDR học phần.

3. Kết luận

...

Trân trọng./.

XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG BỘ MÔN

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ THANG ĐO THIẾT KẾ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (THAM KHẢO)

I. Thang đo đánh giá nhận thức Bloom (1 – 6) (THAM KHẢO)

Cấp độ miền nhận thức	Các động từ
Sáng tạo	Tạo ra, lập kế hoạch, sáng tác, phát triển, sáng tạo, sáng chế, tổ chức, xây dựng, sản xuất, biên soạn, thiết kế, tổ hợp lại.
Đánh giá	Xếp hạng, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thử nghiệm, phán quyết.
Phân tích	Phân tích, chia nhỏ, so sánh, chọn lọc, làm tương phản, bóc tách, phân biệt, xác định, nhận dạng, phác thảo.
Vận dụng	Triển khai, tổ chức, giải quyết, xây dựng, biểu diễn, phát hiện, thực hiện, sửa đổi, điều khiển, thay đổi, vận hành, dự báo, chuẩn bị, sản xuất, chỉ ra, giải quyết, chọn.
Hiểu	Minh họa, bảo vệ, so sánh, ước lượng, giải thích, phân loại, phổ biến, diễn giải, viết lại, suy đoán, tổng hợp lại, dịch.
Nhớ	Định nghĩa, mô tả, xác định, kể tên, liệt kê, trình bày, nhắc lại, kể lại, nhận biết, tái tạo, chọn lọc, cho thấy, định vị.

Nguồn: (1) L.W. Anderson và cộng sự, *A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives*. New York: Longman, 2001

(2) D.Krathwohl, “A revision of Bloom's Taxonomy: An Overview”, *Theory into Practice*, Vol.41, No.4, pp.212-218, 2002.

II. Thang đo đánh giá kỹ năng Dave (1970)

Cấp độ miền tâm vận động	Động từ thường dùng	Ví dụ CDR
Tự nhiên hóa	Xây dựng; Biên soạn; Tạo ra; Thiết kế; Chỉ rõ; Quản lý; Phát minh; Khởi tạo; Sáng tạo; Tự nhiên hóa; Sản xuất	- <i>Xây dựng một học thuyết mới.</i> - <i>Tạo ra một phương pháp mới về....</i>
Phối hợp	Giải quyết; Thích nghi; Kết hợp; Phối hợp; Tích hợp; Hình thành; Phát triển; Làm chủ; Điều chỉnh; Sửa đổi; Thích nghi,...	- <i>Có thể kết hợp</i> - <i>Có thể</i>
Chuẩn hóa	Chứng minh; Hoàn thành; Hiệu chỉnh; Kiểm soát; Đạt được; Làm chủ; Tinh chỉnh; Sử dụng...	- <i>Làm chủ</i>

Thao tác	Xây dựng; Thực hiện; Triển khai; Thu nhận; Vận hành; Tái sản xuất,...	- <i>Thực hiện được động tác</i>
Bắt chước	Sao chép; Theo dõi; Bắt chước; Lắp lại; Tái tạo; Phóng theo; Phát họa; Chép lại,...	- <i>Lắp lại</i> - <i>Hát lại được</i>

Nguồn: Janice Miller-Young, *A Guide to Learning Outcomes at the University of Alberta*.
Edmonton, Alberta: Centre for Teaching and Learning, University of Alberta, 2018.

III. Thang đo đánh giá đạo đức và trách nhiệm Krathwohl

